TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18-3-2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Tôn Nám.

Ông Trần Minh Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Kiều D, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Võ Châu T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Kiều D trình bày: Bà và ông Võ Châu T tự nguyện

chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu bà và ông T chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do gia đình chồng khó khăn, ông T không lo cho vợ con. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông Võ Châu T. Trong quá trình chung sống bà và ông T có hai người con chung tên Võ Thị Trác M, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2010 và Võ Thị Bi A, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2013, con chung đang đang do ông Võ Châu T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Võ Châu T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông T vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Kiều D, cho bà Trần Kiều D ly hôn với ông Võ Châu T, giao hai người con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Kiều D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Võ Châu T, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Võ Châu T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Võ Châu T.

[3] Về quan hệ hôn nhân : Bà Trần Kiều D với ông Võ Châu T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của bà Trần Kiều D với ông Võ Châu T là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà D giữ quan điểm yêu cầu ly hôn với ông Võ Châu T. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông Võ Châu T nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông T vắng mặt, không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Trần Kiều D. Bà D cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, bà không còn thương yêu ông T và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Kiều D với ông Võ Châu T đã trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Kiều D về việc yêu cầu ly hôn với ông Võ Châu T.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Trần Kiều D với ông Võ Châu T có hai người con chung tên Võ Thị Trác M, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2010 và Võ Thị Bi A, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2013 con chung do ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà Trần Kiều D yêu cầu giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án có tống đạt thông báo thụ lý cho ông Võ Châu T nhưng ông T không có ý kiến gì về yêu cầu của bà D giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi bà D và ông T không còn chung sống đến nay con chung do ông T trực tiếp nuôi dưỡng và người con chung Võ Thị Trác M có nguyện vọng được chung sống với ông T; tại phiên tòa bà D xác định đã chung sống với người khác có một người con chung và bà đang mang thai sắp sinh đứa thứ hai nên không có điều kiện để nuôi con chung. Để bảo đảm quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử giao hai người con chung tên Võ Thị Trác M, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2010 và Võ Thị Bi A, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2013 cho ông Võ Châu T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Kiều D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Ông Võ Châu T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà Trần Kiều D, ông Võ Châu T không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà D phải chịu 300.000đ, bà D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Kiều D và ông Võ Châu T.

- Về quyền nuôi con chung: Giao hai người con chung tên Võ Thị Trác M, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2010 và Võ Thị Bi A, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2013

cho ông Võ Châu T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Bà Trần Kiều D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019662 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm , bà Trần Kiều D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Võ Châu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều